

điểm giống khác nhau giữa hai đối tượng thông qua việc so sánh các bức tranh. Đồng thời sinh viên có thể nêu lên quan điểm, ý kiến của mình về một vấn đề nào đó.

2.2.3. Về thái độ:

Học phần rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chăm chỉ, có kỷ luật trong công việc để có thể giao tiếp trôi chảy các vấn đề xã hội bằng tiếng Anh.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
	<i>Về kiến thức</i>
CLO1	Kiến thức ngôn ngữ ở trình độ B2 (theo khung tham chiếu Châu Âu) bao gồm vốn từ vựng, ngữ pháp, các cụm từ
CLO 2	Kiến thức ngôn ngữ ở trình độ B2 (theo khung tham chiếu Châu Âu) bao gồm cấu trúc chức năng như so sánh đối chiếu các bức tranh để tìm ra điểm chung và điểm riêng, đưa ra ý kiến của bản thân về một vấn đề
	<i>Về kỹ năng</i>
CLO 3	<u>Nói độc thoại: Mô tả kinh nghiệm</u> - Có thể mô tả rõ ràng, chi tiết về các chủ đề liên quan hoặc thuộc lĩnh vực quan tâm.
CLO 4	<u>Nói độc thoại: Lập luận</u> - Có thể lập luận một cách có hệ thống, nhấn mạnh được những điểm quan trọng bằng những chi tiết minh họa liên quan.
CLO 5	<u>Nói độc thoại: Trình bày trước người nghe</u> - Có thể trình bày một cách rõ ràng những bài thuyết trình đã được chuẩn bị, nêu được lý do ủng hộ hay phản đối một quan điểm cụ thể, đưa ra những lợi thế và bất lợi của những lựa chọn khác nhau. - Có thể trả lời các câu hỏi sau khi trình bày một cách lưu loát, tự nhiên, không gây căng thẳng cho bản thân hay cho người nghe. - Có thể trình bày những bài thuyết trình phức tạp, trong đó nhấn mạnh được những điểm chính và có chi tiết minh họa rõ ràng.
CLO 6	<u>Nói tương tác: Hội thoại</u> - Có thể tham gia vào các hội thoại mở rộng về hầu hết các chủ đề ngay cả trong môi trường có nhiều tiếng ồn. - Có thể duy trì hội thoại với người bản ngữ qua cách pha trò, đàm tiếu, trêu nhau. - Có thể truyền đạt các mức độ cảm xúc và làm nổi bật tầm quan trọng của kinh nghiệm cá nhân.
CLO 7	<u>Nói tương tác: Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn</u> - Có thể đưa ra ý tưởng, mở rộng và phát triển chủ đề trong khi phỏng vấn nếu có sự giúp đỡ hoặc khuyến khích từ người phỏng vấn.

	- Có thể tiến hành một cuộc phỏng vấn một cách trôi chảy và có hiệu quả, xuất phát một cách tự nhiên từ các câu hỏi đã chuẩn bị sẵn, tiếp nối bằng phần trả lời sáng tạo, thăm dò.
CLO 8	Phát âm và độ lưu loát - Phát âm và ngữ điệu rõ ràng, tự nhiên. - Có thể giao tiếp dễ dàng và tương đối lưu loát, kể cả với các đoạn nói dài và phức tạp.
CLO 9	Độ chuẩn xác và phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội - Có thể sử dụng tương đối chính xác từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp tuy đôi khi vẫn cần hỗ trợ lựa chọn từ ngữ phù hợp. - Có thể diễn đạt ý một cách tự tin, rõ ràng và lịch sự bằng ngôn ngữ trang trọng cũng như thông tục, phù hợp với vai, đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.
	<i>Về thái độ Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)</i>
CLO10	- tham gia vào việc học một cách chủ động, tích cực, áp dụng các kiến thức được học để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh, cố gắng sử dụng tiếng Anh để giao tiếp và kết hợp phát triển các kỹ năng khác.
CLO 11	- ý thức được các phép lịch sự và có cách ứng xử phù hợp theo vai và tình huống giao tiếp hằng ngày ở trường và nơi làm việc.
CLO 12	- hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO 1		R	I	R		I	I	I		I	I	
CLO 2		R	I	R	I	I	I	I		I	I	I
CLO 3		I	I	I		I	R	I		I		
CLO 4		I	R			I	R	I		I		
CLO 5		I				I	R	I				
CLO 6		I	I	I	I	R	I	I		I		
CLO 7		I	R			R	I	I		I		
CLO 8		I	R			I	I	I		I		
CLO 9		R	I	I		I	I	I		I		
CLO 10								I		R	R	R
CLO 11								I		R	R	R
CLO 12								I		R	R	R

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%					Sử dụng rubric
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5 (Tổng hợp kiến thức)	50%		CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	A2.1. Kiểm tra vấn đáp Kiểm tra kỹ năng nói, phản xạ, khả năng sử dụng ngôn ngữ khi đối thoại. A2.2. Kiểm tra vấn đáp Mỗi sinh viên được yêu cầu miêu tả 2 bức tranh trong vòng 1 phút, và nêu nhận xét của mình về bức tranh của bạn một cách ngắn gọn theo yêu cầu.
		A2.2. Tuần 10 (Các bài trong quá trình học)	50%		CLO 2 CLO 5 CLO 8 CLO 9	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi vấn đáp			CLO 1-12	Sử dụng rubric

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	<i>PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR</i>	<i>Hoạt động học của SV(*)</i>	<i>Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	UNIT 1: LIFESTYLE (Unit 1) 1.1 Vocabulary: Clothes, Adjectives for describing clothes 1.2 Useful language for speculating 1.3 Talking about photos: different lifestyles (FCE part 2)	4	Sinh viên có khả năng: Nắm được các từ vựng về chủ đề trang phục, biết sử dụng các cụm từ, cấu trúc liên quan đến mô tả trang phục Vận dụng được các cụm từ có tính phỏng đoán để trao đổi về một tình huống trong tranh tranh về phong cách sống.	CLO1-9	- PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên	Sinh viên làm việc theo cặp nói về chủ đề trang phục Sinh viên làm việc theo nhóm thực hành vận dụng các cụm từ phỏng đoán để mô tả tranh	

2	<p>UNIT 2: A GOOD STORY (Unit 4)</p> <p>2.1 Vocabulary: Films, Adjectives for describing feelings</p> <p>2.2 Useful languages for comparing and contrasting</p> <p>2.3 Talking about photos: Advantages and disadvantages of watching films in different cinemas (FCE part 2)</p>	4	<p>Sinh viên nắm được các cụm từ tính từ liên quan đến mô tả cảm xúc, cảm giác để trả lời phỏng vấn về thông tin các nhân.</p> <p>Vận dụng được các cụm từ để so sánh đối chiếu điểm giống và khác nhau giữa hai bức tranh về chủ đề phim và điện ảnh. (Phần 2)</p>	CLO1-9	<p>- PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm;</p> <p>- GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh viên làm việc theo cặp hỏi và trả lời về chủ đề phim ảnh.</p> <p>Sinh viên làm việc theo nhóm thực hành vận dụng các cụm từ so sánh đối chiếu để mô tả tranh.</p>	
3	<p>UNIT 3: DOING YOUR DUTY (Unit 5)</p> <p>3.1 Vocabulary: Learning environment</p> <p>3.2 Useful language: Expressing preferences</p> <p>3.3 Talking about photos: Learning environment you like (FCE part 2)</p>	4	<p>Sinh viên nắm được các từ vựng, cụm từ liên quan đến môi trường học tập.</p> <p>Sử dụng được các cụm từ chỉ sở thích, để nói về môi trường học tập yêu thích (Phần 2)</p>	CLO1-9	<p>- PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm;</p> <p>- GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh viên hoạt động theo nhóm để nắm được các từ vựng liên quan đến môi trường học tập</p> <p>Sinh viên làm việc theo nhóm thực hành vận dụng các hình thức so sánh để mô tả mức độ yêu</p>	

						thích môi trường học tập được đưa ra trong 2 bức tranh.	
4	<p>UNIT 4: RELATIVE RELATIONSHIP (Unit 6)</p> <p>4. 1 Vocabulary: Relative relationships</p> <p>4. 2 Useful language: Describing people</p> <p>4. 3 Interview: Your family (FCE part 1)</p>	4	<p>Sinh viên nắm được các từ vựng liên quan đến gia đình, người thân.</p> <p>Sử dụng được các cấu trúc mô tả để nói về các thành viên trong gia đình. (Phần 1)</p>	CLO1-9	<p>PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên</p> <p>GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh viên hoạt động theo nhóm để nắm được các từ vựng liên quan đến môi trường học tập</p> <p>Sinh viên làm việc theo nhóm thực hành vận dụng các hình thức so sánh để mô tả mức độ yêu thích môi trường học tập được đưa ra trong 2 bức tranh.</p>	A1.1.

5	<p>UNIT 5: VALUES FOR MONEY (Unit 7)</p> <p>5.1 Vocabulary: Shopping</p> <p>5.2 Interview: Using filler phrases, Talking about where you live (FCE part 1)</p> <p>5.3 Talking about photos: A place to live (FCE part 2)</p>	5	<p>Nắm được các cụm từ dùng để lấp đầy khoảng trống trong giao tiếp về chủ đề nơi mình ở. (Phần 1)</p> <p>Vận dụng linh hoạt các phương thức so sánh đối chiếu, phỏng đoán để áp dụng vào phần 2 của hoạt động nói B2 với chủ đề nơi bạn sống</p>	CLO1-9	<p>- PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên;</p> <p>- PP thảo luận, giải quyết vấn đề.</p> <p>- PP làm mẫu-tái tạo</p> <p>- GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh thực hành hỏi và trả lời nhanh các câu hỏi liên quan đến nơi ở theo nhóm.</p> <p>Sinh viên làm việc riêng lẻ thực hành mô tả tranh theo các bước của phần 2 Nói B2</p>	
6	<p>UNIT 6: TIME TRAVEL (Unit 8)</p> <p>6.1 Vocabulary: Travel</p> <p>6.2 Interview: Talking about your holidays (FCE part 1)</p> <p>6.3 Talking about photos: Holidays (FCE part 2)</p>	5	<p>Nắm được các cụm từ, cấu trúc về thì tiếng Anh để nói về kỳ nghỉ. (Phần 1)</p> <p>Vận dụng các phương pháp đã học để mô tả tranh về chủ đề du lịch (Phần 2)</p>	CLO1-9	<p>PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên</p> <p>GV sử dụng</p>	<p>Sinh thực hành hỏi và trả lời nhanh các câu hỏi liên quan đến kỳ nghỉ theo nhóm.</p> <p>Sinh viên làm việc riêng lẻ</p>	

					tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên	thực hành mô tả tranh theo các bước của phần 2 Nói B2	
7	Ôn tập và kiểm tra tín chỉ	4		CLO1-12		Sinh viên thực hiện bài kiểm tra tập trung vào Phần 1 và phần 2 của kỹ năng nói B2	A2
8	Kiểm tra cuối kì						A3

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Roy Norris	2008	Ready for FCE – Course Book	MacMillan Publishers Limited
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Mann M & Taylore-Knowles S.	2008	Destination B2 – Grammar and Vocabulary	Macmillan Publisher Limited
3	Pelteret, C.	2013	Speaking, Intermediate B2+	Collins English for life, Powered by Cobuild
4	Sam McCarter & W. Norman	2007	Improve your IELTS – Listening and Speaking Skill	MacMillan Publisher Limited
5	Tillitt. B & Bruder. M. N.	2005	Speaking naturally – Communication Skills in American English	Cambridge University Press
6	Tim Falla & Paul A.D.	2012	Solutions – Intermediate level	Oxford University Press

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp	Projector, loa, màn hình máy chiếu	01	Tất cả các bài học

9. Rubric đánh giá

a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check) Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	MỨC D (4,0-5,4)	MỨC C (5,5-6,9)	MỨC B (7,0-8,4)	MỨC A (8,5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>90%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp tại lớp. Đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. phát biểu ít khi có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả	50%

b. Kiểm tra và thi vấn đáp

PART 1 (4 marks) (Focus on Part 1 – B2 speaking test)

1. content	10%
2. fluency and coherence	7,5%
3. grammatical range & accuracy	7,5%
4. vocabulary & pronunciation	7,5%
5. eye contact and body language	7,5%

PART 2 (6 marks) (Focus on Part 2 – B2 speaking test)

1. asking for suggestions	7,5%
2. making suggestions	7,5%
3. respond to suggestions	7,5%
4. asking for opinions	7,5%
5. giving opininons	7,5%
6. discussing alternatives	7,5%
7. agreeing and disagreeing	7,5%
8. making a decision	7,5%

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Đình Hùng

TS. Lê Thị Hằng

Nguyễn Thọ Phước Thảo